

Số: 08 /2026/CV-HP

(Về việc: Công khai thông tin về năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát
- ĐKKD số 0102668815 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/3/2008, thay đổi lần 5 ngày 09/5/2025.
- Địa chỉ: Nhà M3-2 Khu B Tập thể trường đại học Mỏ địa chất, phường Đông Ngạc, Tp. Hà Nội
- VPGD: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội.
- Email: Pkt.hopphat@gmail.com
Lasxd24.136@gmail.com
- Website: hopphat.info
- Điện thoại: 0243 55 76 924
- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định xây dựng
- Địa chỉ PTN: Số 119 Nguyễn Xiển, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội
- Trạm thí nghiệm hiện trường Lào Cai: phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai

2. Thông tin về năng lực của Trạm thí nghiệm hiện trường:

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng: danh sách kèm theo.
- Danh mục thiết bị thí nghiệm chính: danh sách kèm theo.
- Danh sách thí nghiệm viên thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm: danh sách kèm theo.



Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của nội dung công bố. Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố. Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp và được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu đã được công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai.
- Lưu văn thư;

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI HỢP PHÁT**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Quang Liệp

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo công văn số: 08/2026/CV-HP ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát)

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định khối lượng riêng, độ mịn	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn; thời gian đông kết; độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
3	Xác định cường độ xi măng	TCVN 6016:2011
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
6	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39 AASHTO T22 BS EN 12390-3
IV	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẼM (SỎI), CẤP PHỐI	
7	Xác định thành phần hạt, Mô đun độ lớn	TCVN 7572-2 AASHTO T27 ASTM C136
8	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84 AASHTO T85
9	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10324:2014
10	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6: 2006 ASTM C29 AASHTO T19
11	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006 AASHTO T255
12	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 TCVN 344:1986 ASTM C142 AASHTO T112 AASHTO T71

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
13	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40 AASHTO T21
14	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 TCVN 10324:2014 ASTM C170 ASTM D2938
15	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006 ASTM D4791 AASHTO T335
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
16	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100
17	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216
18	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 TCVN 14134-4:2024 ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90
19	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 TCVN 14134-3:2024 AASHTO T88 ASTM D422
20	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 22TCN 333:2006 AASHTO T99 AASHTO T180 ASTM D1557
21	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012 TCVN 8729:2012
VI	VẬT LIỆU KIM LOẠI	
22	Thử kéo	TCVN 197:2014 ASTM A370 AASHTO T68 ISO 15630-1
23	Thử uốn	TCVN 198:2008 TCVN 6287:97 ASTM A90/A90M JIS Z 2248:06

Stt	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
24	Thử kéo thép cốt bê tông – mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023 TCVN 8163:2009 TCVN 197-1:14
IX	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
25	Xác định độ chặt của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 8729:2012 TCVN 12791:2020 ASTM D2937
26	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	ASTM D1556 AASHTO T191
X	VỮA XÂY DỰNG	
27	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109
XI	GẠCH XÂY	
28	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009
29	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
30	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
31	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
32	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ rỗng, cường độ chịu nén, độ thấm nước, độ hút nước	TCVN 6477:2016

DANH MỤC THIẾT BỊ, NHÂN SỰ THÍ NGHIỆM

(Kèm theo công văn số: 08 /2026/CV-HP ngày 14 tháng 4 năm 2026
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát)

Danh mục thiết bị thí nghiệm chính:

I	Thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN	Máy	1	
2	Máy nén BT 2000 KN	Máy	1	
3	Máy thử thấm bê tông	Cái	1	
4	Bàn dần mẫu xi măng	Cái	1	
5	Bộ thiết bị thí nghiệm xi măng.	Bộ	1	
6	Tủ sấy	Cái	1	
7	Sàng cốt liệu, xi măng;	Bộ	3	
8	Máy trộn vữa, bê tông xi măng	Cái	2	
9	Khuôn đúc mẫu bê tông 15x15x15	Cái	30	
10	Khuôn đúc mẫu thấm 15x15	Cái	18	
11	Một số thiết bị phụ trợ khác (cân, thước kẹp, hộc, ống đong, ..)			

Danh sách thí nghiệm viên:

TT	Họ và tên	Bằng cấp chuyên môn	Chức vụ	Hợp đồng LĐ	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc Thịnh	Kỹ sư VLXD	Trưởng Phòng	Số 25 ngày 01/7/2016	
2	Nguyễn Văn Hình	Kỹ sư Thủy lợi	Phó phòng – Trưởng trạm TN	Số 06/2019/HĐLĐ ngày 02/5/2019	
3	Nguyễn Đức Tuấn	TNV	Thí nghiệm viên	Số 41 ngày 01/7/2012	
4	Đỗ Thành Nhân	Kỹ sư CNSH	Thí nghiệm viên	Số 01/HĐLĐ ngày 03/02/2025	